

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tất Đạt

2. Ông Lê Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2018/TLST-DS, ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐHPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CS.

Trụ sở: Số X, phố LĐ, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Ngọc T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng CS - Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016 – có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1943.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thi S, sinh năm 1949 (vợ ông K).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vợ chồng ông K, bà S vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Ngọc T trình bày:

Vào ngày 15/02/2005 ông Nguyễn Văn K (sau đây gọi tắt là ông K) ký hợp đồng tín dụng số 05-06 A/HĐTD vay của Ngân hàng CS (Chi nhánh tỉnh Kiên Giang) số tiền 12.000.000 đồng, theo chương trình cho vay xuất khẩu lao động, thời hạn cho vay 22 tháng, lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 0,65%/tháng. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/12/2006.

Mục đích vay vốn là để trang trải chi phí đi xuất khẩu lao động cho con ông K là chị Nguyễn Thị Diễm. Sau khi vay vốn ông K có trả cho Ngân hàng chính sách được tổng số tiền gốc là 2.912.000 đồng, cụ thể vào ngày 25/05/2005 trả được 912.000 đồng, ngày 05/9/2005 trả được 2.000.000 đồng. Hiện vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Đặng Thị S (sau đây gọi tắt là bà S) còn nợ Ngân hàng CS số gốc là 9.088.000 đồng và tiền lãi (tính đến ngày 30/11/2018) là 9.679.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi (tạm tính đến ngày 30/11/2018) là 18.767.000 đồng.

Từ khi vay đến nay vợ chồng ông K, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách theo hợp đồng tín dụng. Đại diện Ngân hàng CS có kết hợp với Tổ tiết kiệm vay vốn, Ban lãnh đạo ấp Cạn Vàm A và Hội phụ nữ xã Thạnh Yên đến nhà ông K để đôn đốc trả nợ nhưng vợ chồng ông K, bà S không cam kết thời gian trả nợ.

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Ngọc T yêu cầu vợ chồng ông K, bà S trả cho Ngân hàng CS tổng số tiền gốc và lãi còn thiếu là 18.767.000 đồng, trong đó nợ gốc là 9.088.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/11/2018 là 9.679.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị S (vợ ông K) được Tòa án tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải và xét xử đến lần thứ hai nhưng vợ chồng ông K, bà S đều vắng mặt không có lý do.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân tên Trương Ngọc Tân (bản sao); quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ ngày 30/6/2017; quyết định về việc

ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án ngày 25/11/2016; đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 05/9/2018, biên bản làm việc ngày 28/02/2017; hợp đồng tín dụng số 05-06A/HĐTD ngày 15/02/2005 và giấy đề nghị vay vốn ngày 20/01/2005 của vợ chồng ông K, bà S.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thi S được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với vợ chồng ông K, bà S.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng CS với bị đơn ông Nguyễn Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thi S (vợ ông K) là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể Ngân hàng CS yêu cầu vợ chồng ông K, bà S trả tiền vay gốc còn thiếu là 9.088.000 đồng và tiền lãi phát sinh (tạm tính đến ngày 30/11/2018) là 9.679.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 18.767.000 đồng.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hợp đồng tín dụng số 05-06A/HĐTD ngày 15/02/2005 ông Nguyễn Văn K vay của Ngân hàng CS số tiền là 12.000.000 đồng để trang trải chi phí cho con là chị Nguyễn Thị Diện đi xuất khẩu lao động. Hiện số nợ trên đã quá hạn và Ngân hàng CS đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/12/2006. Ngày 28/02/2017, đại diện Ngân hàng CS kết hợp với đại diện UBND xã Thanh Yên, Hội liên hiệp phụ nữ xã Thanh Yên và Tổ tiết kiệm vay vốn mời ông K đến UBND xã Thanh Yên để làm việc. Tại buổi làm việc ông K thừa nhận còn nợ Ngân hàng CS số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký nhưng không hẹn thời gian trả nợ.

Vợ chồng ông K, bà S vay nợ của Ngân hàng CS nhưng không trả đủ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng CS là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại 474 Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng ông K, bà S phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng CS số tiền vay gốc còn thiếu là 9.088.000 đồng và lãi phát sinh (tạm đến ngày 30/11/2018) là 9.679.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 18.767.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông K, bà S phải chịu tiền án phí là 938.000 đồng (chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng chính sách thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CS (người đại diện theo ủy quyền ông Trương Ngọc T) đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thi S về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Đặng Thi S chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng CS - phòng giao dịch huyện U Minh Thượng (người đại diện theo ủy quyền ông Trương Ngọc T) số tiền vay gốc là 9.088.000 đồng và tiền lãi phát sinh (tạm đến ngày 30/11/2018) là 9.679.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 18.767.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là từ ngày 01/12/2018) vợ chồng ông K, bà S vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông K, bà S phải chịu tiền án phí là 938.000 đồng (chín trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng chính sách thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án

phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh